

Số: 13/2024/QĐST-KDTM

Hà Nội, ngày 26 tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Điều 351, Điều 352, Điều 353, Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015;
Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 147, Điều 212, Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và điểm d khoản 1.4 Điều 1 phần II mục A Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 18 tháng 7 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 08/2024/TLST-KDTM ngày 10 tháng 01 năm 2024 về việc: Tranh chấp Hợp đồng kinh tế.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện, nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

* Nguyên đơn: **Công ty cổ phần F**

Địa chỉ: Lô N, Khu Công nghiệp L, xã L, huyện C, tỉnh Long An; Người đại diện theo pháp luật: Ông Mai Tuấn A - Chức vụ: Giám đốc; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Ngọc T, sinh năm 1993; Địa chỉ liên hệ: Tầng A, T, đường P, phường M, quận N, Thành phố Hà Nội (Giấy ủy quyền số 6B/2024/GUQ ngày 16/01/2024).

* Bị đơn: **Công ty cổ phần G**

Địa chỉ: Ô, Dự án khu nhà ở thấp tầng T tại Lô E, Khu đô thị M, đường T, phường D, quận C, Thành phố Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Minh Đ - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị; Người đại diện theo ủy quyền: Bà

Phạm Thu H - Phụ trách Phòng hành chính (Giấy ủy quyền số 02/GUQ-GEOVN ngày 17/03/2024).

II. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Nguyên đơn – Công ty cổ phần F do ông Vũ Ngọc T là đại diện theo ủy quyền và Bị đơn – Công ty cổ phần G do bà Phạm Thu H là đại diện theo ủy quyền cùng thống nhất thoả thuận như sau:

Theo hợp đồng kinh tế số 01/2022/FCMIL- GEO/HĐMB ngày 10/01/2022 về việc Mua bán bất động sản – PVD giữa Công ty cổ phần F và Công ty Cổ phần G1, tính đến thời điểm ngày 18/7/2024, hai bên xác định: Công ty Cổ phần G1 còn nợ Công ty cổ phần F số tiền nợ gốc là 1.144.193.205 VNĐ (Một tỷ, một trăm bốn mươi bốn triệu, một trăm chín mươi ba nghìn, hai trăm lẻ năm đồng).

2. Phương thức trả nợ cụ thể như sau:

Công ty cổ phần F và Công ty Cổ phần G1 thanh toán trả toàn bộ số tiền nợ gốc là 1.144.193.205 VNĐ (Một tỷ, một trăm bốn mươi bốn triệu, một trăm chín mươi ba nghìn, hai trăm lẻ năm đồng) cho Công ty cổ phần F, cụ thể như sau:

- Ngày 30/07/2024, Công ty Cổ phần G1 thanh toán trả cho Công ty cổ phần F số tiền là 700.000.000 đồng (Bảy trăm triệu đồng).

- Ngày 30/08/2024, Công ty Cổ phần G1 thanh toán trả cho Công ty cổ phần F số tiền là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

- Ngày 30/09/2024, Công ty Cổ phần G1 thanh toán trả cho Công ty cổ phần F số tiền là 244.193.205 đồng (Hai trăm bốn mươi bốn triệu, một trăm chín mươi ba nghìn, hai trăm lẻ năm đồng).

3. Đối với số tiền phạt, tiền lãi của số tiền nợ gốc nêu trên kể từ ngày 17/07/2022 đến ngày 18/7/2024, Công ty cổ phần F đồng ý miễn toàn bộ cho Công ty Cổ phần G1 cho đến khi trả hết số nợ gốc.

4. Trong trường hợp Công ty cổ phần G không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ bất kỳ đợt trả nợ nào, Công ty cổ phần F có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền thi hành Quyết định của Tòa án đối với Công ty cổ phần G để yêu cầu thực hiện toàn bộ nghĩa vụ trả nợ của Công ty cổ phần G đối với Công ty cổ phần F.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

III. Về án phí:

Công ty cổ phần G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 11.581.449 đồng (*Mười một triệu, năm trăm tám mươi một nghìn, bốn trăm bốn chín đồng*).

Công ty cổ phần F phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 11.581.449 đồng (*Mười một triệu, năm trăm tám mươi một nghìn, bốn trăm bốn chín đồng*).

Công ty cổ phần F được nhận lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 11.581.449 đồng (*Mười một triệu, năm trăm tám mươi một nghìn, bốn trăm bốn chín đồng*) đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0000307 ngày 08/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cầu Giấy - Thành phố Hà Nội.

IV. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

NƠI NHẬN:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Cầu Giấy;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Cầu Giấy;
- Lưu hồ sơ + Văn phòng.

THẨM PHÁN

Hoàng Lan Chi